TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2017
V/v*: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Thân;

2. Ông Đỗ Văn Chung.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H Trung, xét xử công khai vụ án thụ lý số 63/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số nH 154, khu phố 13, phường NT, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt

2. *Bị đơn*: Bà Trình Thị T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn 3, xã HC, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2017, bản tự khai ngày 10/7/2017 tại Tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là bà Trình Thị T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường NT, BS, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 09/3/2017; Thời gian vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T có mâu thuẫn với các con riêng của ông, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm nên cuộc sống không

hạnh phúc. Do không chịu đựng được nên từ tháng 4 năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Nay ông H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2017, bị đơn là bà Trình Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Xuân H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/3/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do không chịu đựng được nên từ tháng 4 năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Nay ông H có yêu cầu ly hôn, bà hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Trình Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến Hnh hòa giải, đây là trường hợp không tiến Hnh hòa giải được, theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS. Bà T cũng đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, quyết định xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân H và bà Trình Thị T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ngày 09/3/2017 như vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau một thời gian ngắn nhưng đã xẩy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bà T có mâu thuẫn với các con riêng của ông H nên vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng chưa dài nhưng đã thực sự trầm trọng. Đến nay cả ông H và bà T đều mong muốn ly hôn, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho ông H được ly hôn bà T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Ông H và bà T không có con chung.

[4]. Về tài sản: Cả ông H và bà T đều không yêu cầu nên miễm xét.

[5]. Về án phí: Ông H là nguyên đơn trong vụ án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Xuân H ly hôn bà Trình Thị T.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuan H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004679 ngày 19/6/2017 tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện H Trung, ông H đã nộp đủ án phí

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người phải thi Hnh án dân sự có quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự; Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện H Trung
- THADS huyện H Trung
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt